

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ II NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của UBND xã Viêng Lán)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	4.818.500.000	4.818.500.000	1.467.071.543	1.467.071.543	30,45	30,45
I	Các khoản thu 100%	92.000.000	92.000.000	68.815.543	68.815.543	74,8	74,8
1	Phí, lệ phí	16.000.000	16.000.000	3.706.283	3.706.283	23,16	23,16
	Phí, lệ phí						
	Lệ phí trước bạ nhà đất	5.000.000	5.000.000	915.083	915.083	18,3	18,3
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11.000.000	11.000.000	2.791.200	2.791.200	25,37	25,37
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	46.000.000	46.000.000	32.674.739	32.674.739	71,03	71,03
	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản			15.580.990	15.580.990		
	Thuế thu nhập cá nhân	29.000.000	29.000.000	5.697.816	5.697.816	19,65	19,65
	Thuế giá trị gia tăng	17.000.000	17.000.000	11.395.933	11.395.933	67,03	67,03
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			34.521	34.521		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu cố định tại xã	30.000.000	30.000.000	32.400.000	32.400.000	108	108
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)						
1	Các khoản thu phân chia						
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
21	Thu tiền sử dụng đất						
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
23	Thuế tài nguyên						
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			77.271.000	77.271.000		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.726.500.000	4.726.500.000	1.320.985.000	1.320.985.000	27,95	27,95
	Bổ sung cân đối ngân sách	4.726.500.000	4.726.500.000	1.182.000.000	1.182.000.000	25,01	25,01
	Bổ sung có mục tiêu			138.985.000	138.985.000		